

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/DS-ST
Ngày 30-8-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh M, Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2016/TLST- DS ngày 05/12/2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-DS ngày 07/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2016)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1963 “vắng mặt”

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho anh Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979 (văn bản ủy quyền ngày 05/6/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2016 nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 30/12/2009 âm lịch (tức ngày 13/02/2010 dương lịch) bà cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị M vay 270.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận, hai bên có viết 03 giấy biên nhận vay tiền, không có thời hạn thanh toán và trong cùng một ngày vay, cụ thể như sau:

Lần 1: Vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất 1.800đồng/triệu/ngày.

Lần 2: Vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày.

Lần 3: Vay 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) với lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày.

Sau khi vay ông H, bà M không thực hiện việc trả lãi và gốc cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà M vẫn không trả. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị M hoàn trả bà tiền gốc vay 270.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày vay 30/12/2009 âm lịch (tức ngày 13/02/2010 dương lịch) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi phát sinh.

Anh Nguyễn Văn N, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ông H, bà M thanh toán trả bà L số tiền 270.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng kể từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2017 và các lời khai tiếp theo bà Nguyễn Thị M là bị đơn trình bày: Bà có vay của vợ chồng bà L, ông C số tiền 270.000.000 đồng như bà L khởi kiện là đúng, tuy nhiên số tiền bà vay gốc của bà L là 200.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng là số tiền lãi cộng dồn của những lần vay trước nên tổng số tiền chót lại đến ngày 30/12/2009 âm lịch là 270.000.000 đồng. Số tiền này bà chưa trả được gốc và lãi cho bà L là do bà vay hộ người khác, người ta chưa trả bà nên bà không có để trả bà L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2017 ông Nguyễn Hữu H là bị đơn trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị M, việc bà M vay tiền bà L ông có biết nhưng bà M vay tiền để làm gì ông không biết, ông không được nhận tiền và bà M không mang số tiền đó về chi tiêu sinh hoạt gia đình. Ông có ký nhận vào 3 giấy biên nhận vay tiền ngày 30/12/2009 âm lịch (tức ngày 13/02/2010 dương lịch) phần người thừa kế. Nay bà L khởi kiện ông phải trả bà L tiền ông không nhất trí, bà M là người vay thì bà M phải trả.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2016 ông Nguyễn Tiến C là người có quyền lợi, N vụ liên quan trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L, việc bà L khởi kiện bà M, ông H như trong đơn khởi kiện là đúng. Ông xác nhận số tiền bà L cho vay là tiền chung của ông, bà. Ông đề nghị Tòa án buộc bà M, ông H trả tiền cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên

toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476 BLDS 2005, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến C số tiền gốc 270.000.000 và tiền lãi tính từ ngày vay 13/02/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm thi hành án.

3. Bà M, ông H phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu H là bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Ngày 30/12/2009 âm lịch (tức ngày 13/02/2010 dương lịch) bà L đã cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị M vay 270.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ 1.500 – 2.000 đồng/triệu/ngày. Hai bên có viết 03 giấy biên nhận vay tiền, không có thời hạn thanh toán. Sau khi vay ông H, bà M không thanh toán trả lãi và gốc cho bà L, bà L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà M vẫn không trả được là đã vi phạm N vụ trả nợ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị M thanh toán trả bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Tiến C số tiền 270.000.000 đồng và tiền lãi $270.000.000 \times 0,75\% / \text{tháng} \times 90$ tháng 16 ngày = 183.330.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 453.330.000 đồng. Ngoài ra ông H, bà M còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả.

Về án phí: Ông H, bà M phải chịu: 22.133.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 BLDS 2005; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến C tổng số tiền gốc và lãi là 453.330.000 đồng (Bốn trăm, lăm mươi ba triệu, ba trăm, ba mươi nghìn đồng). Trong đó 270.000.000 tiền gốc và 183.330.000 đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu H phải chịu 22.133.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị L số tiền 3.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/001155 ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được thông đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Giới

Nguyễn Hữu Thái

Tạ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy